

Số: /QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện Sông Miện 6
tại xã Ngọc Đường và phường Hà Giang 2, tỉnh Tuyên Quang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Khí tượng thủy văn ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai
và Luật Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

Luật Phòng thủ dân sự ngày 20 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Điện lực ngày 30 tháng 11 năm 2024;

*Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và
môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của
Chính phủ về Quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;*

*Căn cứ Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;*

*Căn cứ Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an
toàn trong lĩnh vực điện lực;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2026 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;*

*Căn cứ Thông tư số 09/2019/TT-BCT ngày 08 tháng 7 năm 2019 của Bộ
trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 130/TTr-SCT
ngày 24 tháng 6 năm 2026 và đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân
tỉnh tại Báo cáo số 2560/BC-VP ngày 02 tháng 7 năm 2026.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện Sông Miện 6, do Công ty Cổ phần thủy điện Sông Miện 6 làm chủ đầu tư (có Quy trình kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Công Thương: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và Ủy ban nhân dân tỉnh về tính chính xác của số liệu, tài liệu, hệ thống sơ đồ, bản đồ và sự phù hợp, tuân thủ các quy định của pháp luật trong hồ sơ thẩm định trình phê duyệt tại Tờ trình số 130/TTr-SCT nêu trên.

2. Công ty Cổ phần thủy điện Sông Miện 6 có trách nhiệm:

a) Tổ chức thực hiện theo nội dung quy trình đã được phê duyệt tại Quyết định này, đảm bảo vận hành an toàn cho công trình và vùng hạ du đập, hồ chứa thủy điện Sông Miện 6.

b) Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có những tình huống vướng mắc phát sinh hoặc quy trình có nội dung chưa phù hợp với thực tế, yêu cầu Công ty Cổ phần thủy điện Sông Miện 6 có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị điều chỉnh, bổ sung Quy trình vận hành hồ chứa gửi Sở Công Thương thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định.

3. Trường hợp Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện Sông Miện 6 sau 05 năm thực hiện còn phù hợp, không có nội dung điều chỉnh, bổ sung thì Công ty Cổ phần thủy điện Sông Miện 6 có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định việc cho phép tiếp tục sử dụng Quy trình vận hành hồ chứa hoặc yêu cầu phê duyệt điều chỉnh Quy trình vận hành hồ chứa theo quy định.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 1067/QĐ-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang ban hành Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện Sông Miện 6.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Trưởng Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh; Giám đốc các Sở: Công Thương, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường: Ngọc Đường, Thuận Hòa, Hà Giang 1, Hà Giang 2; Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Miện 6 và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Sở Công Thương (Bản chính);
- Trung tâm PVHCC (Bản chính);
- Vnptioffice;
- Lưu: VT, KTN (Hồng).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Mạnh Tuấn

QUY TRÌNH

Vận hành hồ chứa thủy điện Sông Miện 6

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)*

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy trình này quy định công tác quản lý vận hành, điều tiết hồ chứa thủy điện Sông Miện 6 (sau đây gọi tắt là Quy trình) thay thế Quy trình vận hành được ban hành kèm theo quyết định số 1067/QĐ-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của UBND tỉnh Hà Giang (trước sáp nhập).

2. Đối tượng áp dụng:

a) Công ty Cổ phần thủy điện Sông Miện 6.

b) Các chủ sở hữu, tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa nước khác trên cùng lưu vực Sông Miện và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác vận hành đập, hồ chứa thủy điện Sông Miện 6.

c) Các cơ quan, đơn vị liên quan.

Điều 2. Cơ sở pháp lý để xây dựng quy trình.

Mọi hoạt động liên quan đến việc quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy điện Sông Miện 6 phải tuân thủ:

1. Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;

2. Luật Khí tượng thủy văn, ngày 23 tháng 11 năm 2015;

3. Luật Thủy lợi, ngày 19 tháng 6 năm 2017;

4. Luật Bảo vệ môi trường, ngày 17 tháng 11 năm 2020;

5. Luật phòng thủ dân sự, ngày 20 tháng 6 năm 2023;

6. Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 ngày 27 tháng 11 năm 2023; Luật số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

7. Luật Điện lực, ngày 30 tháng 11 năm 2024;

8. Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn;
9. Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;
10. Nghị định số 48/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn;
11. Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phòng, chống thiên tai;
12. Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;
13. Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
14. Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;
15. Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;
16. Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
17. Nghị định 62/2025/NĐ-CP ngày 4 tháng 03 năm 2025 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực;
18. Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;
19. Nghị định số 200/2025/NĐ-CP ngày 09/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng thủ dân sự;
20. Nghị định 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực tài nguyên nước;
21. Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;
22. Thông tư số 65/2017/TT-BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật xác định dòng chảy tối thiểu trên sông, suối và xây dựng quy trình vận hành liên hồ chứa;
23. Thông tư số 09/2019/TT-BCT ngày 08 tháng 7 năm 2019 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện;

24. Thông tư số 22/2019/TT-BTNMT ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về dự báo, cảnh báo lũ;

25. Thông tư số 08/2022/TT-BTNMT ngày 05 tháng 7 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về loại bản tin và thời hạn dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn;

26. Thông tư số 13/2023/TT-BTNMT ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về quan trắc và cung cấp thông tin, dữ liệu quan trắc khí tượng thủy văn đối với trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng;

27. Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

28. Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương về sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương;

29. Quyết định số 05/2020/QĐ-TTg ngày 31 tháng 01 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định mực nước tương ứng với các cấp báo động lũ trên các sông thuộc phạm vi cả nước;

30. Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22 tháng 04 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai và cấp rủi ro thiên tai;

31. Quyết định số 325/QĐ-BNNMT ngày 27 tháng 01 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố giá trị dòng chảy tối thiểu ở hạ lưu các đập, hồ chứa;

32. Quyết định số 1441/QĐ-UBND ngày 02/12/2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang về danh mục công trình phải tổ chức quan trắc khí tượng thủy văn;

33. Các văn bản quy phạm pháp luật và các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành khác có liên quan.

Điều 3. Thông số kỹ thuật chủ yếu của công trình.

1. Tên công trình: Công trình Thủy điện Sông Miện 6.
2. Địa điểm xây dựng: Trên Sông Miện, bờ trái là xã Ngọc Đường, bờ phải phường Hà Giang 2, tỉnh Tuyên Quang.
3. Cấp công trình: Công trình cấp III theo QCVN 04-05:2012/BNNPTNT.
4. Phân loại đập hồ chứa: Công trình thủy điện Sông Miện 6 thuộc loại công trình thủy điện lớn theo điểm a khoản 2 Điều 30 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 03 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực.
5. Thông số kỹ thuật chính công trình thủy điện Sông Miện 6:

- Cao trình mực nước dâng bình thường (MNDBT)	: 105,5 m
- Cao trình mực nước chết (MNC)	: 105 m
- Mực nước lũ thiết kế (MNLTK)	: 107,31 m

- Mức nước lũ kiểm tra (MNLKT)	: 108,94 m
- Dung tích toàn bộ (Vtb)	: 0,947 triệu m ³
- Dung tích hữu ích (Vhi)	: 0,157 triệu m ³
- Số Tổ máy	: 01 tổ máy
- Công suất lắp máy	: 5 MW
- Lưu lượng lũ thiết kế	: 2003 m ³ /s
- Lưu lượng lũ kiểm tra	: 2693 m ³ /s
- Các thông số kỹ thuật khác của công trình được trình bày tại Phụ lục 1 kèm theo.	

Điều 4. Nhiệm vụ công trình theo thứ tự ưu tiên và nguyên tắc vận hành công trình.

Quy trình này áp dụng cho công tác vận hành hồ chứa thủy điện Sông Miện 6 nhằm bảo đảm các yêu cầu nhiệm vụ công trình theo thứ tự ưu tiên sau:

1. Trong mùa lũ.

a) Bảo đảm an toàn tuyệt đối cho đập thủy điện Sông Miện 6 không được để mực nước hồ vượt quá mực nước lũ kiểm tra ở cao trình 108,94m. Bảo đảm an toàn tuyệt đối cho người và hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại về tài sản cho người dân trong vùng hạ du và các công trình vùng hạ du thủy điện Sông Miện 6.

b) Bảo đảm hiệu quả phát điện, hiệu quả cấp nước ở hạ du và dòng chảy tối thiểu trên sông.

2. Trong mùa kiệt.

a) Bảo đảm an toàn công trình.

b) Bảo đảm nhu cầu sử dụng nước ở hạ du và dòng chảy tối thiểu trên sông.

c) Bảo đảm hiệu quả phát điện.

Điều 5. Phân loại lũ và thời kỳ mùa lũ, mùa kiệt.

Phân loại lũ, thời kỳ mùa lũ, mùa kiệt theo các quy định tại Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 24/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai và Thông tư số 22/2019/TT-BTNMT ngày 25/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về dự báo, cảnh báo lũ, cụ thể như sau:

1. Quy định về phân loại lũ.

a) Lũ nhỏ: Lưu lượng đỉnh lũ nhỏ hơn hoặc bằng 592 m³/s.

b) Lũ vừa: Lưu lượng đỉnh lũ từ 592m³/s đến 1132 m³/s.

c) Lũ lớn: Lưu lượng đỉnh lũ 1132 m³/s đến 1386m³/s.

d) Lũ đặc biệt lớn: Lưu lượng đỉnh lũ từ 1386m³/s đến 2003 m³/s.

e) Lũ lịch sử: Lưu lượng đỉnh lũ lớn hơn 2003 m³/s.

2. Quy định về thời kỳ mùa lũ, mùa kiệt.

a) Mùa lũ: Từ ngày 15 tháng 6 đến 31 tháng 10 hàng năm.

b) Mùa cạn: Từ ngày 01 tháng 11 đến 14 tháng 6 năm sau.

Điều 6. Trình tự thực hiện đóng, mở cửa van.

1. Các cửa van công trình xả được đánh số từ 1 đến 4 đối với cửa van xả mặt và từ 5 đến 8 đối với van xả sâu theo thứ tự từ trái sang phải theo hướng nhìn từ thượng lưu về hạ lưu.

2. Trình tự thao tác mở các cửa van công trình xả được quy định tại Bảng 1, các cửa van xả sâu được mở hoàn toàn mới được mở dần các cửa van xả mặt, thứ tự mở sau thực hiện sau khi hoàn thành thứ tự mở trước đó. Trình tự đóng các cửa van được thực hiện ngược với trình tự mở.

Bảng 1. Trình tự mở các cửa van

Độ mở	Trình tự mở cửa van							
	Cửa van xả mặt				Cửa van xả sâu kết hợp xả cát			
(m)	Cửa van số 1	Cửa van số 2	Cửa van số 3	Cửa van số 4	Cửa van số 5	Cửa van số 6	Cửa van số 7	Cửa van số 8
0,5	90	87	84	81	1	4	7	10
1,0	91	88	85	82	2	5	8	11
1,5	92	89	86	83	3	6	9	12
2,0	102	99	96	93	13	16	19	22
2,5	103	100	97	94	14	17	20	23
3,0	104	101	98	95	15	18	21	24
3,5	114	111	108	105	25	28	31	34
4,0	115	112	109	106	26	29	32	35
4,5	116	113	110	107	27	30	33	36
5,0	126	123	120	117	37	40	43	46
5,5	127	124	121	118	38	41	44	47
6,0	128	125	122	119	39	42	45	48
6,5	132	131	130	129	49	52	55	58
7,0					50	53	56	59
7,5					51	54	57	60
8,0					61	64	67	70
8,5					62	65	68	71
9,0					63	66	69	72
9,50					73	75	77	79
Mở hoàn toàn					74	76	78	80

3. Trong quá trình thực hiện Quy trình này, nếu trình tự, phương thức vận hành các cửa van đập tràn chưa hợp lý, cần phải hiệu chỉnh thì Giám đốc Công ty

Cổ phần thủy điện Sông Miện 6 đề xuất trình UBND tỉnh Tuyên Quang để xem xét, quyết định.

4. Vận hành các thiết bị cơ khí thủy công và thiết bị thủy lực:

a) Việc vận hành các thiết bị cơ khí thủy công, thiết bị thủy lực công trình thủy điện Sông Miện 6 phải tuân thủ quy trình vận hành và bảo trì công trình, thiết bị do Giám đốc Công ty cổ phần thủy điện Sông Miện 6 phê duyệt trên cơ sở thực tế vận hành và căn cứ tài liệu của cơ quan tư vấn thiết kế, nhà chế tạo, cung cấp thiết bị.

b) Các quy trình vận hành và quy trình bảo trì công trình, thiết bị nêu ở điểm a, khoản 4, Điều này phải được ban hành khi đưa công trình vào khai thác và phải được hiệu chỉnh khi phát hiện thấy những yếu tố bất hợp lý có thể ảnh hưởng đến chất lượng công trình, gây ảnh hưởng đến việc khai thác, sử dụng công trình.

Điều 7. Quan trắc, cung cấp thông tin quan trắc khí tượng thủy văn.

Công ty Cổ phần thủy điện Sông Miện 6 có trách nhiệm thực hiện việc quan trắc, thu thập thông tin, dữ liệu về khí tượng, thủy văn theo quy định tại Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 48/2020/NĐ-CP ngày 15/4/2020); Thông tư số 13/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Điều 40 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025; Điều 89 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ và các văn bản pháp luật hiện hành khác có liên quan. Thực hiện quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo Nghị định 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực tài nguyên nước.

Việc quan trắc, thu thập thông tin, dữ liệu về khí tượng, thủy văn, thông tin về công trình và chế độ thông tin, báo cáo đối với công trình thủy điện Sông Miện 6 được quy định như sau:

1. Trách nhiệm, chế độ quan trắc, dự báo, các yếu tố thời gian quan trắc, tính toán trong mùa lũ.

a) Trong điều kiện thời tiết bình thường, khi chưa xuất hiện tình huống thời tiết có khả năng gây mưa lũ theo quy định tại điểm b khoản này, hàng ngày Công ty Cổ phần thủy điện Sông Miện 6 thực hiện việc quan trắc, dự báo như sau.

- Tổ chức quan trắc lượng mưa theo quy định; quan trắc, tính toán mực nước hồ, lưu lượng đến hồ, lưu lượng xả qua đập tràn, qua nhà máy ít nhất 04 lần vào các thời điểm: 01 giờ, 07 giờ, 13 giờ, 19 giờ.

- Thực hiện bản tin dự báo 01 lần vào 9 giờ. Nội dung bản tin dự báo bao gồm lưu lượng đến hồ, mực nước hồ thời điểm hiện tại và các thời điểm 06 giờ, 12 giờ,

18 giờ, 24 giờ tới, dự kiến tổng lưu lượng xả tại các thời điểm 06 giờ, 12 giờ, 18 giờ và 24 giờ tới.

b) Khi Cục Khí tượng Thủy văn dự báo có bão khẩn cấp, áp thấp nhiệt đới gần bờ hoặc các hình thể thời tiết khác gây mưa, lũ, có khả năng ảnh hưởng trực tiếp đến lưu vực công trình. Công ty Cổ phần thủy điện Sông Miện 6 thực hiện chế độ quan trắc, dự báo và duy trì cho đến khi kết thúc đợt lũ như sau:

- Tổ chức quan trắc lượng mưa theo quy định; quan trắc, tính toán mực nước hồ, lưu lượng đến hồ, lưu lượng xả qua đập tràn, qua nhà máy ít nhất 15 phút một lần.

- Thực hiện bản tin dự báo lũ về hồ định kỳ 03 giờ 01 lần; nội dung bản tin dự báo gồm mực nước hồ, lưu lượng đến hồ thời điểm hiện tại và các thời điểm 06 giờ, 12 giờ, 18 giờ, 24 giờ tới, trong đó phải dự báo thời gian xuất hiện đỉnh lũ về hồ; dự kiến tổng lưu lượng xả tại các thời điểm 06 giờ, 12 giờ, 18 giờ, 24 giờ tới.

- Thực hiện bản tin dự báo 01 lần vào 9 giờ. Nội dung bản tin dự báo bao gồm lưu lượng đến hồ, mực nước hồ thời điểm hiện tại và các thời điểm 06 giờ, 12 giờ, 18 giờ, 24 giờ tới; dự kiến tổng lưu lượng xả tại các thời điểm 06 giờ, 12 giờ, 18 giờ và 24 giờ tới.

c) Tổ chức kiểm tra thường xuyên và đánh giá hiện trạng công trình theo Quy định tại khoản 1 Điều 43 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP của Chính phủ; tần suất kiểm tra phải được quy định cụ thể trong Quy trình bảo trì công trình:

d) Thời gian, thông số, các yếu tố được tiến hành quan trắc, tính toán ứng với các trường hợp vận hành hồ trong thời gian mùa lũ được quy định tại điểm a, điểm b khoản này và bảng 2:

Bảng 2. Thông số, các yếu tố và thời gian quan trắc trong mùa lũ

Thông số, yếu tố quan trắc, tính toán Mực nước hồ	Thời hạn quan trắc ít nhất (số giờ/ lần)				
	Lưu lượng vào hồ	Lưu lượng xả qua tràn	Cao trình mực nước hồ	Cao trình mực nước hạ lưu đập	Tình trạng công trình
Mực nước hồ $\leq 105,5$ m	6	6	6	6	6
Mực nước hồ $> 105,5$ m và $< 107,31$ m	1	1	1	1	1
Mực nước hồ $> 107,31$ m	0,25	0,25	0,25	0,25	0,25

2. Trách nhiệm, chế độ quan trắc, dự báo các yếu tố, thời gian quan trắc, tính toán trong mùa kiệt:

a) Trong điều kiện thời tiết bình thường, khi chưa xuất hiện tình huống thời tiết có khả năng mưa lũ như quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

- Tổ chức đo đạc, quan trắc lượng mưa theo quy định: quan trắc lưu lượng đến hồ, lưu lượng qua đập tràn, qua nhà máy, mực nước hồ, hạ lưu nhà máy ít nhất 02 lần một ngày vào lúc 07 giờ và 19 giờ.

- Tổ chức dự báo lưu lượng đến hồ, mực nước hồ 10 ngày tới vào các ngày 01, 11 và 21 hàng tháng.

b) Trong điều kiện thời tiết xuất hiện tình huống thời tiết có khả năng mưa lũ như quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

3. Trách nhiệm cung cấp thông tin, số liệu:

a) Trong mùa lũ:

- Trong điều kiện thời tiết bình thường, khi chưa xuất hiện tình huống thời tiết có khả năng gây mưa lũ, Công ty Cổ phần thủy điện Sông Miện 6 cung cấp bản tin dự báo và số liệu quan trắc, tính toán quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này cho Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Tuyên Quang, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự (PTDS) tỉnh Tuyên Quang, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang, Công ty TNHH MTV Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia (NSMO), Đài khí tượng thủy văn tỉnh Tuyên Quang theo quy định.

- Khi dự báo có mưa, lũ hoặc xuất hiện mưa lũ, Công ty Cổ phần thủy điện Sông Miện 6 phải cung cấp ngay thông tin và số liệu quan trắc, tính toán quy định tại điểm b, khoản 1 Điều này cho Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang, Ban Chỉ huy PTDS tỉnh Tuyên Quang, Sở Công thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang, Công ty TNHH MTV Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia (NSMO), Đài khí tượng thủy văn tỉnh Tuyên Quang.

b) Trong mùa kiệt.

- Công ty Cổ phần thủy điện Sông Miện 6 phải cung cấp cho UBND tỉnh Tuyên Quang, Ban Chỉ huy PTDS tỉnh Tuyên Quang (khi có lũ bất thường), Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang, Đài khí tượng thủy văn tỉnh Tuyên Quang và Công ty TNHH MTV Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia (NSMO), số liệu quan trắc tính toán quy định tại điểm a, khoản 2 Điều này;

c) Hàng ngày, Công ty Cổ phần thủy điện Sông Miện 6 phải cung cấp số liệu quan trắc, đo đạc, tính toán vận hành nhà máy về hệ thống thông tin, giám sát việc vận hành hồ của Cục quản lý tài nguyên nước, website <http://thuydienvietnam.vn> theo yêu cầu.

d) Thực hiện lắp đặt camera, thiết bị quan trắc, giám sát tự động, trực tuyến việc vận hành xả nước của hồ chứa.

4. Trách nhiệm báo cáo:

Công ty Cổ phần thủy điện Sông Miện 6 có trách nhiệm báo cáo kết quả vận hành xả lũ và tình trạng làm việc của công trình, việc báo cáo được thực hiện như sau:

a) Trước mùa mưa bão hàng năm Công ty Cổ phần thủy điện Sông Miện 6 có trách nhiệm báo cáo kết quả đánh giá an toàn đập, hồ chứa thủy điện theo mẫu phụ lục VIII Nghị định 62/2025/NĐ-CP cho Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang, Ban Chỉ huy PTDS tỉnh Tuyên Quang, Sở Công Thương tỉnh Tuyên Quang theo quy định.

b) Chậm nhất 02 ngày sau khi kết thúc đợt lũ, phải báo cáo kết quả vận hành, trạng thái làm việc sau đợt lũ của hồ chứa và các thông tin có liên quan đến Ban Chỉ huy PTDS tỉnh Tuyên Quang, Sở Công Thương tỉnh Tuyên Quang, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang để theo dõi, chỉ đạo.

c) Trước ngày 31 tháng 12 hàng năm, Công ty cổ phần thủy điện Sông Miện 6 phải báo cáo hiện trạng an toàn đập, hồ chứa thủy điện theo mẫu phụ lục IX Nghị định 62/2025/NĐ-CP cho UBND tỉnh Tuyên Quang, Ban Chỉ huy PTDS tỉnh Tuyên Quang, Sở Công Thương tỉnh Tuyên Quang theo quy định.

5. Phương thức cung cấp thông tin, số liệu:

Việc cung cấp các thông tin, số liệu cho các cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này được thực hiện theo một trong các phương thức sau:

- a) Thông tin trực tiếp qua điện thoại.
- b) Bằng Nhóm Zalo, Viber, Skype hoặc Messenger, Fax...;
- c) Liên lạc bằng máy thông tin vô tuyến điện.
- d) Chuyển bản tin bằng Gmail.

Văn bản gốc phải được gửi qua đường bưu điện để theo dõi, đối chiếu và lưu hồ sơ quản lý.

Điều 8. Phối hợp vận hành giữa chủ sở hữu công trình thủy điện Sông Miện 6 với chủ sở hữu, tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa nước khác trên cùng lưu vực sông và các tổ chức, cơ quan, cá nhân có liên quan trong công tác vận hành đập, hồ chứa thủy điện.

1. Tuân thủ Quy chế phối hợp vận hành giữa các đập, hồ chứa trên lưu vực sông Miện, Sông Lô được UBND tỉnh Tuyên Quang phê duyệt.

2. Xây dựng Quy chế phối hợp với Ban Chỉ huy PTDS các xã: Thuận Hoà, Ngọc Đường và các phường: Hà Giang 1, Hà Giang 2.

3. Thường xuyên cung cấp, trao đổi và cập nhật thông tin với các chủ sở hữu, tổ chức, cá nhân có liên quan trên lưu vực để vận hành tối ưu và an toàn.

Điều 9. Cảnh báo trước, trong và sau quá trình vận hành xả lũ và vận hành phát điện.

1. Quy định khoảng thời gian tối thiểu phải thông báo trước khi vận hành mở cửa xả nước đầu tiên. Trước khi vận hành xả nước, Công ty Cổ phần thủy điện Sông Miện 6 phải:

- a) Báo cáo UBND tỉnh Tuyên Quang; Ban Chỉ huy PTDS tỉnh Tuyên Quang.
- b) Thông báo cho Sở Công Thương tỉnh Tuyên Quang, chính quyền địa phương, UBND các xã, phường vùng hạ du đập, chủ các công trình hồ chứa trên cùng lưu vực sông Lô, các cơ quan, đơn vị có liên quan.
- c) Thời gian thông báo: Trước 02 giờ tính từ thời điểm thực hiện lệnh vận hành xả nước, trừ các trường hợp khẩn cấp hoặc bất thường.
- d) Nội dung thông báo ghi rõ lý do vận hành xả nước, mực nước hồ hiện tại, thời gian nước bắt đầu xả, lưu lượng xả qua tràn.
- e) Hình thức thông báo bao gồm: Bảng văn bản, Fax, Email, Zalo hoặc thông tin trực tiếp qua điện thoại. Văn bản gốc phải được gửi tới Sở Công Thương tỉnh Tuyên Quang, Ban Chỉ huy PTDS tỉnh Tuyên Quang để theo dõi và quản lý.
- g) Báo động bằng loa phóng thanh, còi hú ... để đảm bảo an toàn cho người dân phía hạ du.

2. Tín hiệu cảnh báo, thời điểm cảnh báo, vị trí cảnh báo:

- a) Khi vận hành phát điện.
 - Tín hiệu cảnh báo: các hệ thống bảng cảnh báo vùng nước nguy hiểm, còi và loa cảnh báo.
 - Thời điểm và hiệu lệnh cảnh báo.
 - + Trước khi xả nước qua các tổ máy phát điện, trừ trường hợp nhà máy đang vận hành xả lũ: kéo 2 hồi còi, mỗi hồi còi dài 20 giây và cách nhau 10 giây.
 - + Khi dừng vận hành phát điện: kéo 01 hồi còi dài 10 giây.
 - Vị trí cảnh báo: lắp đặt bảng cảnh báo vùng nước nguy hiểm ở kênh xả hạ lưu nhà máy; hệ thống còi cảnh báo lắp đặt tại nhà máy, khu vực cầu 3/2 phía hạ du nhà máy và hệ thống thiết bị cảnh báo tại địa phương.
- b) Khi vận hành xả lũ:
 - Tín hiệu cảnh báo: các hệ thống bảng cảnh báo vùng nước nguy hiểm, còi và loa cảnh báo.
 - Thời điểm và hiệu lệnh cảnh báo:
 - + Khi các cửa van đập tràn đang ở trạng thái đóng hoàn toàn: 30 phút trước khi xả, kéo 03 hồi còi, mỗi hồi còi dài 20 giây và cách nhau 10 giây.

+ Ngay trước khi xả nước qua cửa van đập tràn: kéo 04 hồi còi dài 20 giây, mỗi hồi cách nhau 10 giây; sau khi kết thúc hiệu lệnh mới được mở cửa van xả tràn.

+ Ngay trước khi xả thêm nước qua cửa van đập tràn: kéo 2 hồi còi, mỗi hồi còi dài 20 giây và cách nhau 10 giây.

+ Khi xảy ra các trường hợp đặc biệt cần phải xả nước khẩn cấp để đảm bảo an toàn công trình: kéo 5 hồi còi, mỗi hồi còi dài 30 giây và cách nhau 05 giây; sau khi kết thúc hiệu lệnh mới được phép xả.

+ Khi kết thúc xả nước qua tràn: kéo 1 hồi còi dài 30 giây.

- Vị trí cảnh báo: lắp đặt bảng cảnh báo vùng nước nguy hiểm ở kênh xả hạ lưu nhà máy; hệ thống còi cảnh báo lắp đặt tại nhà máy và khu vực hạ lưu nhà máy.

3. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc phát lệnh, truyền lệnh, thực hiện lệnh vận hành cửa xả.

Các lệnh, ý kiến chỉ đạo, kiến nghị, trao đổi có liên quan đến việc vận hành và chống lũ của hồ thủy điện Sông Miện 6 đều phải thực hiện bằng văn bản, hoặc bằng fax, thông tin trực tiếp qua điện thoại, chuyển bản tin bằng mạng vi tính, sau đó văn bản gốc được gửi để theo dõi, đối chiếu và lưu hồ sơ quản lý.

4. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc phát tin, truyền tin, nhận tin cảnh báo đóng/mở cửa xả.

Các lệnh, ý kiến chỉ đạo, kiến nghị trao đổi có liên quan đến việc vận hành và chống lũ của hồ chứa thủy điện Sông Miện 6 qua điện thoại đều phải được ghi âm và thực hiện theo trình tự sau.

- a) Người có thẩm quyền phát lệnh vận hành công trình.
- b) Người có thẩm quyền tiếp nhận lệnh và nhắc lại lệnh đã nhận được.
- c) Người có thẩm quyền phát lệnh khẳng định lại lệnh đã ban hành.

Khi công trình đầu mối của hồ chứa có dấu hiệu xảy ra sự cố, gây mất an toàn cho công trình; Công ty Cổ phần thủy điện Sông Miện 6 phải lập phương án xử lý khẩn cấp báo cáo, trình UBND tỉnh Tuyên Quang xem xét quyết định xả nước, hạ mực nước hồ xuống đến mức đảm bảo an toàn cho các công trình đầu mối của hồ chứa, đồng thời đề xuất các phương án xử lý và giải pháp thực hiện.

Điều 10. Vận hành công trình đảm bảo dòng chảy tối thiểu.

1. Việc vận hành, khai thác công trình thủy điện Sông Miện 6 phải đảm bảo duy trì dòng chảy tối thiểu ở khu vực hạ du hồ chứa là 5,06m³/s theo Quyết định số 325/QĐ-BNNMT ngày 27 tháng 01 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố giá trị dòng chảy tối thiểu ở hạ lưu các đập, hồ chứa và

theo Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt số 2045/2018/GP-BTNMT do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 25 tháng 6 năm 2018.

2. Việc vận hành xả nước đảm bảo dòng chảy tối thiểu ở khu vực hạ du hồ chứa thủy điện Sông Miện 6 được thực hiện thông qua vận hành cửa van xả mặt số 3 với độ mở $a = 13\text{cm}$ đến $13,6\text{cm}$ (cửa van xả mặt số 2 là cửa vận hành dự phòng khi cửa số 3 xảy ra sự cố).

CHƯƠNG II VẬN HÀNH HỒ CHỨA TRONG MÙA LŨ

Điều 11. Quy định về mực nước trước lũ, đón lũ.

1. Quy định về mực nước trước lũ: Cao trình mực nước trước lũ của hồ chứa thủy điện Sông Miện 6 không được vượt quá cao trình mực nước dâng bình thường $105,5\text{ m}$.

2. Quy định về mực nước đón lũ: Hồ chứa không có nhiệm vụ phòng lũ cho hạ du nên không quy định về mực nước đón lũ, trừ trường hợp vận hành hạ thấp mực nước hồ để đón lũ theo khoản 8 Điều 12 của Quy trình này.

Điều 12. Nguyên tắc vận hành hồ trong mùa lũ.

Căn cứ vào kết quả dự báo của Cơ quan dự báo khí tượng thủy văn có thẩm quyền và quan trắc của Công ty cổ phần thủy điện Sông Miện 6 về số liệu mưa, lưu lượng lũ vào hồ và mực nước hồ chứa, phương thức vận hành nhà máy và cửa van đập tràn như sau:

1. Nguyên tắc cơ bản: Duy trì mực nước hồ không vượt quá cao trình mực nước dâng bình thường $105,5\text{ m}$ bằng chế độ xả nước qua tổ máy phát điện, chế độ đóng, mở cửa van xả sâu và xả mặt cho đến khi toàn bộ các cửa van mở hoàn toàn.

2. Trong mọi trường hợp vận hành bình thường từ thời điểm lũ vào hồ đến khi đạt đỉnh, việc vận hành hồ chứa phải đảm bảo tổng lưu lượng xả qua công trình về hạ du không được lớn hơn lưu lượng vào hồ cùng thời điểm với sai số cho phép là 50% lưu lượng xả của 01 trình tự mở cửa van đập tràn liền kề trước hoặc sau.

3. Trình tự, phương thức đóng, mở cửa van đập tràn thực hiện theo quy định tại Điều 6 của Quy trình này.

4. Hiệu lệnh thông báo xả nước thực hiện theo quy định tại Điều 9 của Quy trình này.

5. Không cho phép nước tràn qua đỉnh cửa van đập tràn trong mọi trường hợp vận hành xả lũ.

6. Sau đỉnh lũ, phải vận hành các cửa van đập tràn ở trạng thái chảy tự do cho đến khi mực nước hồ rút dần về cao trình mực nước dâng bình thường $105,5\text{ m}$.

7. Trong trường hợp dự báo dòng chảy lũ về hồ Sông Miện 6 sẽ tăng đột biến, nếu điều kiện hạ du cho phép và khi có lệnh của Ban Chỉ huy PTDS tỉnh Tuyên Quang hoặc Sở Công Thương tỉnh Tuyên Quang, thì được điều tiết trước lũ

để hạ thấp mực nước hồ nhưng không thấp hơn 105 m với phương thức đóng mở cửa van đập tràn trái với quy định tại khoản 2, Điều này nhằm đảm bảo an toàn cho công trình và hạ du. Sau đỉnh lũ, phải đưa mực nước hồ về cao trình mực nước dâng bình thường 105,5m.

8. Khi quan trắc lưu lượng nước về hồ ứng với lưu lượng lớn hơn 592 m³/s thì nhà máy vận hành tăng độ mở cửa van đập tràn với lưu lượng xả về hạ du công trình lớn hơn lưu lượng về hồ khoảng 10% để hạ dần mực nước hồ từ mực nước dâng bình thường (cao trình 105,5m) về mực nước chết (cao trình 105,0 m) và vận hành cửa xả đập tràn để duy trì mực nước hồ tại cao trình 105,0 m để đón lũ.

Điều 13. Vận hành hồ chứa tham gia cắt/giảm lũ cho hạ du, phát điện.

1. Hồ chứa thủy điện Sông Miện 6 có dung tích nhỏ, không tham gia cắt lũ/giảm lũ cho hạ du, chỉ có nhiệm vụ phát điện.

2. Trường hợp nhà máy vận hành xả lũ mà dự báo mực nước hồ có khả năng vượt quá cao trình mực nước dâng bình thường 105,5 m, thì ưu tiên phát điện với lưu lượng lớn nhất có thể qua tua bin và xả qua các cửa van cho đến khi phải ngừng phát điện.

Điều 14. Vận hành hồ chứa đảm bảo an toàn công trình.

1. Không cho phép sử dụng phần dung tích hồ từ cao trình mực nước dâng bình thường 105,5 m đến cao trình mực nước lũ kiểm tra 108,94 m để điều tiết cắt, giảm lũ khi các cửa van xả chưa ở trạng thái mở hoàn toàn, trừ trường hợp đặc biệt do Chủ tịch UBND tỉnh hoặc Trưởng Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự tỉnh quyết định.

2. Cho phép Giám đốc Công ty Cổ phần thủy điện Sông Miện 6 vận hành cửa van đập tràn khác với quy định tại Điều 6 và Điều 12 của Quy trình này trong các trường hợp xảy ra sự cố hoặc những tình huống bất thường và phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

3. Không cho phép nước tràn qua đỉnh cửa van đập tràn trong mọi trường hợp vận hành xả lũ.

4. Sau đỉnh lũ, phải vận hành các cửa van đập tràn ở trạng thái chảy tự do cho đến khi mực nước hồ rút dần về cao trình mực nước dâng bình thường 105,5m.

5. Trường hợp đập hoặc các thiết bị của công trình bị hư hỏng hoặc sự cố đòi hỏi phải tháo nước nhằm đảm bảo an toàn công trình, trước khi tháo nước Công ty Cổ phần thủy điện Sông Miện 6 gửi thông báo về việc nâng cửa van vận hành đập tràn để hạ dần mực nước hồ chứa phục vụ công tác xử lý hư hỏng hoặc sự cố đến Ban Chỉ huy PTDS tỉnh Tuyên Quang, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang, UBND các xã phía thượng lưu/hạ lưu và các nhà máy bậc thang dưới nắm bắt thông tin để chỉ đạo, phối hợp thực hiện đảm bảo an toàn (thời gian gửi và nội dung thông báo được quy định tại điểm c, d, khoản 1, Điều 9 trong Quy trình này).

6. Trách nhiệm phát hiện và xử lý sự cố hoặc những tình huống bất thường theo quy định tại Điều 20, 21, 22, 23 và 24 trong Quy trình này.

Điều 15. Tích nước cuối mùa lũ.

Việc vận hành tích nước cuối mùa lũ phải bảo đảm mực nước hồ không vượt quá mực nước dâng bình thường (105,5 m). Trong quá trình tích nước, đơn vị vận hành phải thường xuyên theo dõi, cập nhật thông tin về tình hình thời tiết, mưa, lũ, mực nước tại các trạm thủy văn, mực nước hồ, lưu lượng nước đến hồ và các bản tin dự báo để kịp thời điều chỉnh chế độ vận hành. Việc xem xét, quyết định chế độ vận hành tích nước cuối mùa lũ phải bảo đảm an toàn công trình, an toàn cho vùng hạ du và an toàn tính mạng, tài sản của Nhân dân, đồng thời hạn chế ảnh hưởng đến các công trình và kết cấu hạ tầng khác.

CHƯƠNG III VẬN HÀNH HỒ CHỨA TRONG MÙA KIẾT

Điều 16. Nguyên tắc vận hành hồ trong mùa kiệt.

1. Nguyên tắc chung: Phải tuân thủ phương thức huy động của cơ quan điều độ hệ thống điện theo phân cấp.

2. Khi mực nước hồ đã ở cao trình mực nước dâng bình thường 105,5 m mà lưu lượng về hồ lớn hơn lưu lượng phát điện lớn nhất của nhà máy, ưu tiên phát điện với lưu lượng lớn nhất có thể qua Tua bin, phần lưu lượng còn lại sau khi phát điện phải xả qua đập tràn để duy trì mực nước hồ không vượt quá cao trình mực nước dâng bình thường 105,5 m.

Điều 17. Vận hành phát điện, xả nước trong mùa kiệt.

1. Khi mực nước hồ đã ở cao trình mực nước dâng bình thường 105,5m mà lưu lượng đến hồ lớn hơn hoặc bằng lưu lượng phát điện thiết kế của nhà máy cùng thời điểm, ưu tiên phát điện với lưu lượng lớn nhất có thể qua Tua bin, lưu lượng còn lại sau khi phát điện phải xả qua đập tràn để duy trì mực nước hồ không vượt quá cao trình 105,5m.

2. Khi mực nước hồ nằm trong khoảng từ cao trình mực nước chết 105 m đến dưới cao trình mực nước dâng bình thường 105,5 m:

a) Trong trường hợp lưu lượng về hồ lớn hơn lưu lượng phát điện thiết kế của nhà máy, theo nhu cầu của hệ thống điện và lưu lượng thực tế về hồ vận hành phát điện để tận dụng tối đa lưu lượng nước đến hồ, giảm xả thừa.

b) Trong trường hợp lưu lượng về hồ lớn hơn lưu lượng tối thiểu cho phép vận hành của một tua bin và nhỏ hơn hoặc bằng lưu lượng phát điện thiết kế của nhà máy, theo nhu cầu thực tế, phát điện với lưu lượng bằng hoặc lớn hơn lưu lượng tối thiểu cho phép của một tua bin.

c) Khi mực nước hồ lớn hơn hoặc bằng mực nước chết và lưu lượng nước về hồ nhỏ hơn hoặc bằng lưu lượng tối thiểu cho phép vận hành của một tua bin, căn cứ nhu cầu huy động nguồn điện và điều kiện vận hành thực tế, vận hành phát điện với lưu lượng bằng hoặc lớn hơn lưu lượng tối thiểu cho phép của một tua bin.

d) Khi mực nước hồ đang ở cao trình mực nước chết mà lưu lượng về hồ nhỏ hơn lưu lượng tối thiểu cho phép của một Tua bin, nhà máy dừng phát điện.

3. Hiệu lệnh thông báo xả nước thực hiện theo quy định tại Điều 9 của Quy trình này.

Điều 18. Vận hành bảo đảm mực nước trong mùa kiệt.

1. Khi mực nước hồ nằm trong khoảng từ cao trình mực nước chết (105,0 m) đến dưới cao trình mực nước dâng bình thường (105,5 m):

a) Trường hợp lưu lượng nước về hồ lớn hơn lưu lượng thiết kế của nhà máy, căn cứ nhu cầu vận hành thực tế, phát điện với lưu lượng theo khả năng điều tiết của hồ chứa nhằm tận dụng tối đa lưu lượng nước về hồ, nâng cao sản lượng điện và giảm lưu lượng xả thừa.

b) Trường hợp lưu lượng nước về hồ lớn hơn lưu lượng tối thiểu cho phép vận hành của một tua bin và nhỏ hơn hoặc bằng lưu lượng thiết kế của nhà máy, căn cứ nhu cầu vận hành thực tế, phát điện với lưu lượng bằng hoặc lớn hơn lưu lượng tối thiểu cho phép vận hành của một tua bin.

c) Trường hợp mực nước hồ lớn hơn cao trình mực nước chết (105,0 m) nhưng lưu lượng nước về hồ nhỏ hơn lưu lượng tối thiểu cho phép vận hành của một tua bin, căn cứ nhu cầu vận hành thực tế, phát điện với lưu lượng bằng hoặc lớn hơn lưu lượng tối thiểu cho phép vận hành của một tua bin.

d) Trường hợp mực nước hồ bằng cao trình mực nước chết (105,0 m) và lưu lượng nước về hồ nhỏ hơn lưu lượng tối thiểu cho phép vận hành của một tua bin thì nhà máy ngừng phát điện.

2. Khi mực nước hồ thấp hơn cao trình mực nước chết (105,0 m), nhà máy ngừng phát điện.

Điều 19. Vận hành điều tiết lũ trong mùa kiệt.

Ngoài thời gian mùa lũ được quy định tại khoản 1 Điều 5 của Quy trình này, khi xảy ra một trong các tình huống bất thường được quy định dưới đây, Giám đốc Công ty Cổ phần thủy điện Sông Miện 6 báo cáo ngay UBND tỉnh Tuyên Quang để quyết định việc vận hành hồ Sông Miện 6 theo chế độ vận hành trong mùa lũ quy định tại Quy trình này:

1. Khi Cục Khí tượng Thủy văn cảnh báo ở hạ du xuất hiện hoặc có nguy cơ xuất hiện lũ, ngập lụt với cấp độ rủi ro thiên tai theo quy định của pháp luật về phòng chống thiên tai từ cấp độ 2 trở lên.

2. Xuất hiện sự cố hoặc có nguy cơ sự cố công trình xả hoặc sự cố của các hạng mục bảo đảm an toàn công trình.

3. Các tình huống khác có nguy cơ đe dọa đến an toàn công trình, khu vực hạ du do Trưởng ban PTDS tỉnh Tuyên Quang quyết định.

Việc xem xét quyết định các phương án vận hành hồ chứa trong các tình huống bất thường quy định tại Điều này phải đảm bảo an toàn công trình.

CHƯƠNG IV CÁC TRƯỜNG HỢP VẬN HÀNH KHÁC

Điều 20. Vận hành hồ chứa khi khu vực hạ du có yêu cầu bất thường về nước.

1. Khi khu vực hạ du của hồ chứa thủy điện Sông Miện 6 có nhu cầu lượng nước xả khác với quy định tại Quy trình này, Công ty Cổ phần thủy điện Sông Miện 6 tổ chức thực hiện xả nước theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang, đồng thời phải thông báo tới Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND các xã, phường phía hạ du.

2. Trước khi thực hiện xả nước theo chỉ đạo, Công ty Cổ phần thủy điện Sông Miện 6 thông báo ngay cho Cấp điều độ vận hành hệ thống điện có quyền điều khiển để phối hợp, bố trí kế hoạch huy động nhà máy thủy điện Sông Miện 6 phát điện đảm bảo tối ưu hiệu quả sử dụng nước, đồng thời tổ chức thực hiện và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang để theo dõi, chỉ đạo.

Điều 21. Vận hành hồ chứa khi xảy ra hạn hán, thiếu nước, ô nhiễm nguồn nước nghiêm trọng hoặc xảy ra các sự cố tai biến môi trường.

Trong trường hợp xảy ra hạn hán, thiếu nước, ô nhiễm nguồn nước nghiêm trọng hoặc khi xảy ra các sự cố tai biến môi trường nghiêm trọng khác trên lưu vực Sông Miện, Công ty Cổ phần thủy điện Sông Miện 6 phải tuân thủ theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 50 Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội.

Điều 22. Vận hành hồ chứa thủy điện cấp nước cho thủy lợi.

Đập, hồ chứa thủy điện Sông Miện 6 không có yêu cầu về cấp nước cho thủy lợi.

CHƯƠNG V TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 23. Nguyên tắc chung về trách nhiệm bảo đảm an toàn cho công trình.

1. Việc thực hiện vận hành hồ chứa Thủy điện Sông Miện 6 nếu trái với các quy định trong quy trình này, dẫn đến công trình đầu mối, hệ thống các công trình và dân sinh ở hạ du bị mất an toàn thì Giám đốc Công ty cổ phần thủy điện Sông Miện 6 phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

2. Trong quá trình vận hành công trình nếu phát hiện có nguy cơ xảy ra sự cố công trình đầu mối, đòi hỏi phải điều chỉnh tức thời thì Giám đốc Công ty Cổ phần thủy điện Sông Miện 6 chịu trách nhiệm chủ động vận hành xử lý, đồng thời báo cáo ngay cho UBND tỉnh Tuyên Quang; Sở Công Thương; Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang, Ủy ban nhân dân và Ban Chỉ huy PTDS các xã, phường: Thuận Hòa, Ngọc Đường, phường Hà Giang 1, phường Hà Giang 2. Đồng thời, thông báo cho các chủ đập, hồ chứa thủy điện bậc thang phía hạ lưu nhà máy

và thông báo trên hệ thống còi cảnh báo được lắp đặt ở khu vực hạ du để người dân chủ động, có phương án ứng phó cần thiết.

3. Tháng 4 hàng năm là thời kỳ tổng kiểm tra trước mùa lũ. Giám đốc Công ty Cổ phần thủy điện Sông Miện 6 có trách nhiệm tổ chức kiểm tra các trang thiết bị, các hạng mục công trình, và tiến hành sửa chữa để đảm bảo vận hành theo chế độ làm việc quy định, đồng thời báo cáo kết quả về UBND tỉnh Tuyên Quang, Ban Chỉ huy PTDS tỉnh Tuyên Quang, Sở Công Thương tỉnh Tuyên Quang để theo dõi chỉ đạo.

4. Trường hợp có sự cố công trình và trang thiết bị, không thể sửa chữa xong trước ngày 15 tháng 6, Giám đốc Công ty Cổ phần thủy điện Sông Miện 6 phải có biện pháp xử lý phù hợp kịp thời và báo cáo với UBND tỉnh Tuyên Quang, Ban Chỉ huy PTDS tỉnh Tuyên Quang, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang để theo dõi, chỉ đạo, đồng thời thông báo cho UBND và Ban Chỉ huy PTDS các xã Thuận Hòa, Ngọc Đường và Phường Hà Giang 1, phường Hà Giang 2, đồng thời thông báo cho các chủ đập hồ chứa thủy điện bậc thang phía hạ lưu nhà máy và thông báo trên hệ thống còi cảnh báo được lắp đặt ở khu vực hạ du để người dân chủ động, có phương án ứng phó cần thiết.

Điều 24. Trách nhiệm của Giám đốc Công ty Cổ phần thủy điện Sông Miện 6.

1. Ban hành và thực hiện lệnh vận hành công trình theo quy định trong quy trình này và các quy định pháp luật liên quan.

2. Trường hợp xảy ra những tình huống bất thường hoặc sự cố, không thực hiện được theo đúng quy trình vận hành, phải triển khai ngay các biện pháp đối phó phù hợp, kịp thời; đồng thời báo cáo UBND tỉnh Tuyên Quang, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Tuyên Quang, Sở Công Thương tỉnh Tuyên Quang và thông báo cho UBND xã, phường; Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự các xã, phường: Thuận Hoà, Ngọc Đường, phường Hà Giang 1, phường Hà Giang 2, đồng thời thông báo cho các chủ đập hồ chứa thủy điện bậc thang phía hạ lưu nhà máy và thông báo trên hệ thống còi cảnh báo được lắp đặt ở khu vực hạ du để người dân chủ động, có phương án ứng phó cần thiết.

3. Trước khi vận hành mở các cửa van đập tràn từ trạng thái đóng hoàn toàn, phải thông báo trước 2 giờ cho Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Tuyên Quang, Ủy ban nhân dân các xã, phường: Ngọc Đường, Phường Hà Giang 1, Phường Hà Giang 2, Trung tâm Dự báo Khí tượng thủy văn tỉnh Tuyên Quang và thông báo cho Chủ các đập và nhân dân ở phía hạ lưu công trình thủy điện Sông Miện 6 để chủ động phòng tránh.

4. Trước khi xả lũ khẩn cấp để đảm bảo an toàn cho công trình đầu mối, phải báo cáo ngay cho UBND tỉnh Tuyên Quang; Sở Công Thương tỉnh Tuyên Quang, UBND và Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự các xã, phường: Ngọc Đường, Phường Hà Giang 1, Phường Hà Giang 2. Đồng thời thông báo cho các chủ đập hồ chứa thủy điện bậc thang phía hạ lưu nhà máy và thông báo trên hệ thống còi cảnh báo

được lắp đặt ở khu vực hạ du để người dân chủ động, có phương án ứng phó cần thiết.

5. Sau mùa lũ hàng năm, lập báo cáo tổng kết gửi UBND tỉnh Tuyên Quang, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân tỉnh Tuyên Quang, Sở Công Thương tỉnh Tuyên Quang về việc thực hiện quy trình vận hành hồ chứa thủy điện Sông Miện 6, đánh giá kết quả khai thác, tính hợp lý, những tồn tại và nêu những kiến nghị cần thiết.

6. Thành lập Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự công trình thủy điện Sông Lô 6. Cơ cấu thành phần của Công ty Cổ phần thủy điện Sông Miện 6 công trình thủy điện Sông Miện 6 tối thiểu như sau:

- a) Trưởng Ban: Chỉ đạo và chịu trách nhiệm chung.
- b) Phó Trưởng ban: Thay Trưởng ban khi Trưởng Ban vắng mặt.
- c) Các ủy viên phụ trách kỹ thuật, vận hành, sửa chữa và hành chính.

7. Trước khi tích nước hồ chứa thủy điện Sông Miện 6, nếu có bất kỳ thay đổi trái với các quy định trong quy trình vận hành hồ chứa thủy điện Sông Miện 6 đã được phê duyệt, phải lập báo cáo nêu rõ mức độ ảnh hưởng và đề xuất hướng xử lý gửi Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang xem xét quyết định.

8. Giám sát quá trình khai thác sử dụng nước tại hồ chứa và khu vực hạ lưu công trình thủy điện Sông Miện 6 chịu ảnh hưởng của việc vận hành hồ chứa; hàng năm lập kế hoạch điều tiết nước hồ chứa và tổ chức thông báo kế hoạch điều tiết nước theo quy định.

9. Chủ trì, phối hợp với Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Tuyên Quang, Ủy ban nhân dân các xã, phường: Ngọc Đường, Phường Hà Giang 1, Phường Hà Giang 2 khảo sát, lập phương án và thực hiện lắp đặt hệ thống cảnh báo điều tiết lũ và phát điện phía hạ du công trình thủy điện Sông Miện 6 để thông báo đến người dân trong quá trình vận hành; phương thức, hình thức cảnh báo qua hệ thống cảnh báo phải được quy định cụ thể trong Quy chế phối hợp.

10. Lắp đặt camera giám sát việc xả nước và truyền tín hiệu hình ảnh về Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Công Thương, Cục Quản lý tài nguyên nước, Sở Công Thương tỉnh Tuyên Quang; Lập kế hoạch xây dựng hệ thống giám sát tự động, trực tuyến việc vận hành xả nước của hồ chứa.

11. Báo cáo định kỳ về việc vận hành hồ chứa theo quy định tại Điều 43 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 03 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực.

12. Chịu trách nhiệm về công tác phòng chống lụt bão cho công trình và hạ du, cụ thể:

a) Tổ chức quan trắc, thu thập, theo dõi chặt chẽ tình hình diễn biến khí tượng thủy văn; thực hiện chế độ quan trắc, dự báo quy định tại Điều 7 của Quy trình này.

b) Kiểm tra tình trạng công trình, thiết bị, tình hình sạt lở vùng hồ và có các biện pháp khắc phục kịp thời các hư hỏng để đảm bảo tình trạng, độ tin cậy làm việc bình thường, an toàn của công trình và thiết bị.

c) Tổ chức, huy động lực lượng trực, sẵn sàng triển khai công tác khi cần thiết.

13. Tổ chức việc kiểm tra, đánh giá toàn bộ thiết bị, công trình và nhân sự, cụ thể đề cập đến các vấn đề sau:

a) Tình trạng làm việc của các công trình thủy công và hồ chứa.

b) Công tác sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị chính, phụ và công trình liên quan đến công tác vận hành chống lũ.

c) Các thiết bị, bộ phận công trình liên quan tới đảm bảo vận hành an toàn các tổ máy phát điện.

d) Lập phương án đảm bảo cung cấp điện (kể cả nguồn điện dự phòng) cho các hạng mục quan trọng của nhà máy và phương án, phương tiện thông tin liên lạc.

e) Các nguồn vật liệu dự phòng, phương án huy động nhân lực, các thiết bị và phương tiện vận chuyển, các thiết bị và phương tiện cần thiết cho xử lý sự cố.

f) Các dụng cụ cứu sinh, dụng cụ bơi.

g) Công tác tính toán, dự báo về khí tượng thủy văn; các tài liệu và phương tiện cần thiết cho tính toán điều tiết hồ chứa.

h) Diễn tập và kiểm tra quy trình, kỹ thuật xả lũ cho các chức danh có liên quan như tính toán, đóng mở cửa van, thông báo thử.

14. Sau mỗi trận lũ và sau cả mùa lũ, phải tiến hành ngay các công tác sau:

a) Kiểm tra tình trạng ổn định, an toàn của công trình, thiết bị bao gồm cả ảnh hưởng xói lở ở hạ lưu đập tràn.

b) Phối hợp với các cơ quan chức năng ở địa phương kiểm tra, đánh giá thiệt hại vùng hạ du.

c) Lập báo cáo diễn biến lũ.

d) Sửa chữa những hư hỏng nguy hiểm đe dọa đến sự ổn định, an toàn công trình và thiết bị.

e) Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Tuyên Quang, Sở Công Thương kết quả thực hiện những công tác trên.

15. Lập báo cáo hiện trạng an toàn đập theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 43 Nghị định 62/2025/NĐ của Chính phủ gửi Sở Công Thương tỉnh Tuyên Quang để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh Tuyên Quang và Bộ Công Thương theo quy định.

16. Trong thời gian không quá 30 phút kể từ thời điểm kết thúc lần quan trắc, đo đạc, tính toán theo quy định tại Điều 7 của Quy trình này, phải cung cấp toàn bộ số liệu cho Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Tuyên Quang, Sở Công

Thương tỉnh Tuyên Quang, Đài Khí tượng thủy văn tỉnh Tuyên Quang, UBND các xã, phường: Ngọc Đường, Phường Hà Giang 1, Phường Hà Giang 2 gồm:

- a) Mức nước thượng lưu, mức nước hạ lưu hồ;
- b) Lưu lượng vào hồ, lưu lượng xả, lưu lượng tháo qua tua bin;
- c) Dự tính khả năng gia tăng mực hồ khi tính theo lưu lượng đến hồ;
- d) Lượng mưa tại đập chính;
- e) Trạng thái làm việc của công trình.

17. Định kỳ không quá 5 năm, kể từ một trong các thời điểm sau: Năm thứ 3 kể từ ngày hồ tích nước đến mức nước dâng bình thường, trong năm thứ 5 kể từ ngày tích nước hoặc kể từ lần kiểm định gần nhất phải kiểm định an toàn đập, lập hồ sơ báo cáo cơ quan quản lý có thẩm quyền xem xét, phê duyệt theo quy định tại Nghị định 62/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ.

18. Hàng năm, lập, rà soát, điều chỉnh, bổ sung và phê duyệt phương án ứng phó thiên tai theo quy định tại Điều 22, Luật phòng chống thiên tai gửi UBND tỉnh Tuyên Quang, Ban Chỉ huy PTDS tỉnh Tuyên Quang.

19. Thực hiện việc thông báo, cảnh báo được quy định tại Điều 9 để bảo đảm an toàn cho người dân và các hoạt động có liên quan trên sông suối ở khu vực hạ lưu đập, nhà máy khi vận hành xả nước qua tràn hoặc các trường hợp gia tăng đột ngột lưu lượng xả về hạ du.

20. Phối hợp với chính quyền các địa phương có kế hoạch tuyên truyền rộng rãi quy trình này cho nhân dân trên địa bàn được biết.

21. Chỉ đạo thực hiện đầy đủ quy trình vận hành hồ chứa đảm bảo nguyên tắc lũ không chồng lũ, đảm bảo an toàn cho công trình và hiệu quả phát điện.

22. Thực hiện việc vận hành đảm bảo an toàn công trình theo quy định tại Điều 14 của Quy trình này. Khi vận hành bảo đảm an toàn công trình, phải báo cáo ngay tới Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh; Sở Công Thương.

23. Trường hợp hồ xả nước khẩn cấp đảm bảo an toàn công trình đầu mối hoặc xảy ra những tình huống bất thường theo quy định tại Điều 13, Điều 14 Giám đốc Công ty Cổ phần thủy điện Sông Miện 6 phải báo cáo ngay và kèm theo phương án đề xuất để xem xét quyết định vận hành hồ chứa tới Chủ tịch UBND tỉnh và Trưởng Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh, Sở Công Thương biết để chỉ đạo xử lý theo thẩm quyền.

Điều 25. Trách nhiệm của Trưởng Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Tuyên Quang.

1. Tổ chức thường trực, theo dõi diễn biến tình hình mưa lũ và việc vận hành công trình thủy điện Sông Miện 6 để chỉ đạo phòng chống lũ lụt và xử lý các tình huống bất thường có ảnh hưởng đến an toàn hạ du.

2. Khi nhận được lệnh đóng, mở cửa van đập tràn hồ chứa thủy điện Sông Miện 6, phải đồng thời triển khai ngay các công tác sau:

a) Các biện pháp đối phó phù hợp với từng tình huống nhằm hạn chế tác hại do việc đóng, mở các cửa van đập tràn gây ra.

b) Chỉ đạo các địa phương, tổ chức, đơn vị liên quan trong địa bàn tỉnh Tuyên Quang triển khai các biện pháp đối phó phù hợp nhằm hạn chế đến mức thấp nhất các tác hại do việc xả lũ của công trình gây ra.

c) Phối hợp với các cơ quan liên quan thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh.

3. Chỉ đạo Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự xã: Thuận Hoà, Ngọc Đường, phường Hà Giang 1, phường Hà Giang 2 và các cơ quan, tổ chức liên quan trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang phối hợp với Công ty Cổ phần thủy điện Sông Miện 6 trong công tác phòng, chống thiên tai và vận hành công trình thủy điện Sông Miện 6 trong mùa lũ.

4. Căn cứ vào điều kiện thực tế công trình, hạ du và dự báo tình hình thời tiết, dòng chảy về hồ, Trưởng Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Tuyên Quang ban hành lệnh vận hành công trình trong trường hợp quy định tại khoản 8, Điều 12.

5. Kịp thời báo cáo UBND tỉnh Tuyên Quang trong trường hợp phát hiện những vi phạm các quy định trong Quy trình này.

6. Phối hợp với Công ty Cổ phần thủy điện Sông Miện 6 xác định vị trí để lắp đặt hệ thống cảnh báo xả lũ phía hạ du công trình thủy điện Sông Miện 6.

Điều 26. Trách nhiệm của Giám đốc Sở Công Thương tỉnh Tuyên Quang.

1. Kiểm tra, giám sát Công ty cổ phần thủy điện Sông Miện 6 thực hiện các quy định trong Quy trình này.

2. Kịp thời báo cáo UBND tỉnh Tuyên Quang khi phát hiện những vi phạm các quy định trong Quy trình này.

3. Kịp thời kiến nghị UBND tỉnh Tuyên Quang xem xét điều chỉnh, bổ sung nội dung quy trình vận hành này cho phù hợp thực tế.

Điều 27. Trách nhiệm của Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang.

1. Phê duyệt và công bố công khai Quy trình này theo quy định.

2. Chỉ đạo các sở, ngành của tỉnh phối hợp với Công ty Cổ phần Sông Miện 6 thực hiện đúng các quy định trong quy trình này.

3. Xử lý theo thẩm quyền các tổ chức, cá nhân vi phạm quy định trong quy trình này.

Điều 28. Trách nhiệm của UBND các xã, phường: Ngọc Đường, Thuận Hoà, Hà Giang 1 và Hà Giang 2

1. Có trách nhiệm trực tiếp tổ chức bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường của lưu vực và mặt hồ, bảo vệ chất lượng nguồn nước mặt chảy vào hồ.

2. Ngăn chặn và xử lý các vi phạm gây ô nhiễm nguồn nước và đe dọa an toàn công trình.

3. Huy động nhân lực, vật lực phối hợp với Công ty cổ phần thủy điện Sông Miện 6 trong công tác Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, bảo vệ và xử lý sự cố công trình.

4. Tuyên truyền, vận động nhân dân địa phương thực hiện đúng các quy định pháp luật tham gia Phòng, chống thiên tai, bảo vệ an toàn công trình hồ chứa thủy điện Sông Miện 6.

Điều 29. Sửa đổi, bổ sung quy trình vận hành hồ chứa thủy điện.

Trong quá trình thực hiện Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện Sông Miện 6, nếu có nội dung cần sửa đổi, bổ sung, Giám đốc Công ty Cổ phần thủy điện Sông Miện 6, thủ trưởng các đơn vị có liên quan phải kiến nghị kịp thời bằng văn bản gửi cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Định kỳ 5 năm hoặc khi quy trình không còn phù hợp, Công ty Cổ phần thủy điện Sông Miện 6 có trách nhiệm rà soát, điều chỉnh Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện Sông Miện 6 trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt./.

CHƯƠNG VI: CÁC PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1 THÔNG SỐ KỸ THUẬT CHÍNH CỦA CÔNG TRÌNH THỦY ĐIỆN SÔNG MIỆN 6

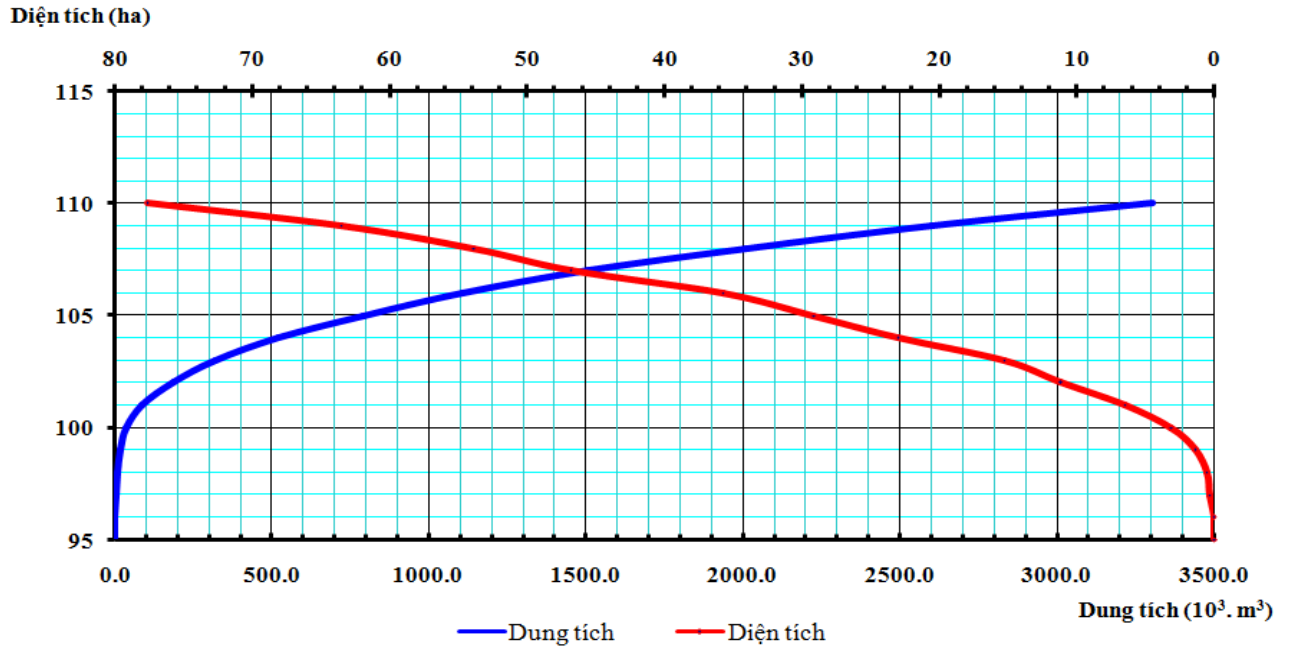
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

TT	Thông số	Đơn vị	Trị số
1	Thông số hồ chứa		
	Diện tích lưu vực	km ²	1870,00
	Lưu lượng dòng chảy trung bình nhiều năm	m ³ /s	36,500
	Lưu lượng lũ thiết kế P=1,0%	m ³ /s	2003,00
	Lưu lượng lũ kiểm tra P=0,2%	m ³ /s	2693,00
	Mực nước dâng bình thường	m	105,50
	Mực nước chết	m	105,00
	Mực nước lũ thiết kế	m	107,31
	Mực nước lũ kiểm tra	m	108,94
	Dung tích toàn bộ	10 ⁶ m ³	0,947
	Dung tích chết	10 ⁶ m ³	0,790
	Dung tích hữu ích	10 ⁶ m ³	0,157
2	Công trình chính		
2.1	Đập dâng		
	Loại		Bê tông trọng lực
	Cao trình đỉnh	m	111,00
	Chiều cao lớn nhất bờ trái/phải	m	14,00/20,00
	Chiều dài theo đỉnh bờ trái/phải	m	20,00/16,00
2.2	Công trình xả lũ		
2.2.1	Tràn xả mặt có cửa van phẳng		
	Cao độ ngưỡng tràn	m	99,50
	Số lượng và kích thước cửa van	nxB×H	4 x 6,0 x 6,5
2.2.2	Tràn sâu kết hợp xả cát		

TT	Thông số	Đơn vị	Trị số
	Loại		Cửa van phẳng
	Cao độ ngưỡng tràn	m	96,00
	Số lượng và kích thước cửa van	nxBxH	4 x 4,0 x 10,0
2.3	<i>Tuyến năng lượng</i>		
2.3.1	<i>Cửa lấy nước</i>		
	Cao độ ngưỡng cửa lấy nước	m	97
	Lưu lượng thiết kế	m ³ /s	84,85
2.3.2	<i>Đường ống áp lực</i>		
	Loại		Thép bọc BTCT
	Số lượng	cái	02
	Đường kính trong	m	4,50
	Chiều dài đường ống	m	18,00
d	Nhà máy thủy điện		
	Loại		Hở
	Lưu lượng thiết kế	m ³ /s	84,85
	Cột nước tính toán	m	7,10
	Công suất lắp máy	MW	5,0
	Số tổ máy	Tổ	01
	Kiểu tuabin	-	Kaplan
	Kích thước LxBxH	m x m x m	21,65x30,0x32,50
	Mực nước hạ lưu min	m	95,5

**QUAN HỆ MỨC N
HỒ CHỨA**
(Ban hành kèm theo Quyết
của Ủy ban

QUAN HỆ Z ~ F ~ W LÒNG HỒ THỦY ĐIỆN SÔNG MIỀN 6



Z (m)	95,00	96,00	97,00	98,00	99,00	100,00	101,00	102,00
F (ha)	0,00	0,064	0,383	0,540	1,381	3,125	6,512	11,154
W (10 ³ m ³)	0,00	0,322	2,559	7,175	16,783	34,595	87,584	185,438
Z (m)	103,00	104,00	105,00	106,00	107,00	108,00	109,00	110,00
F (ha)	15,311	23,015	29,135	35,752	46,827	53,866	63,535	77,637
W (10 ³ m ³)	317,766	519,577	790,506	1104,942	1507,840	2011,305	2598,308	3304,166

PHỤ LỤC 3
QUAN HỆ ĐỘ MỞ CỬA VAN VÀ LƯU LƯỢNG XẢ QUA TRÀN
CÔNG TRÌNH THỦY ĐIỆN SÔNG MIỆN 6

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

Độ mở cửa van	Trình tự mở cửa van							
	Cửa van xả mặt				Cửa van xả sâu kết hợp xả cát			
(m)	Cửa van số 1	Cửa van số 2	Cửa van số 3	Cửa van số 4	Cửa van số 5	Cửa van số 6	Cửa van số 7	Cửa van số 8
0,5	90/1212,08	87/1156,96	84/1101,25	81/1044,93	1/17,78	4/68,08	7/114,98	10/161,18
1,0	91/1230,33	88/11765,39	85/1119,89	82/1063,77	2/35,10	5/83,32	8/130,46	11/176,45
1,5	92/1248,46	89/1193,71	86/1138,39	83/1082,48	3/52,16	6/99,34	9/145,78	12/191,58
2,0	102/1418,61	99/1367,82	96/1316,52	93/1264,72	13/204,25	16/246,86	19/289,22	22/331,34
2,5	103/1435,97	100/1385,35	97/1334,22	94/1282,61	14/219,14	17/261,60	20/303,81	23/345,79
3,0	104/1453,22	101/1402,75	98/1351,80	95/1300,37	15/233,92	18/276,22	21/318,31	24/360,13
3,5	114/1609,70	111/1562,62	108/1515,11	105/1467,22	25/371,57	28/411,22	31/450,78	34/490,10
4,0	115/1626,24	112/1579,32	109/1531,98	106/1484,25	26/385,71	29/425,28	32/464,71	35/503,90
4,5	116/1642,68	113/1595,91	110/1548,73	107/1501,16	27/399,76	30/439,25	33/478,55	36/517,62
5,0	126/1787,43	123/1743,52	120/1699,31	117/1654,79	37/527,93	40/565,38	43/602,63	46/639,38
5,5	127/1803,24	124/1759,49	121/1715,42	118/1671,05	38/541,52	41/578,86	44/616,00	47/652,94
6,0	128/1818,96	125/1775,35	122/1731,43	119/1687,20	39/555,04	42/592,26	45/629,29	48/666,16
6,5	132/1868,34	131/1854,24	130/1841,27	129/1829,49	49/675,46	52/710,98	55/746,40	58/781,66
7,0					50/688,57	53/723,99	56/759,31	59/794,48
7,5					51/701,60	54/736,93	57/772,15	60/807,22

Độ mở cửa van	Trình tự mở cửa van							
	Cửa van xả mặt				Cửa van xả sâu kết hợp xả cát			
(m)	Cửa van số 1	Cửa van số 2	Cửa van số 3	Cửa van số 4	Cửa van số 5	Cửa van số 6	Cửa van số 7	Cửa van số 8
8,0					61/815,75	64/849,68	67/883,56	70/917,37
8,5					62/828,43	65/862,28	68/896,08	71/929,80
9,0					63/841,05	66/874,82	69/908,53	72/942,18
9.50					73/950,13	75/970,86	77/992,07	79/1013,81
Mở hoàn toàn					74/962,39	76/983,07	78/1004,27	80/1025,96

Ghi chú: Tử số: Số thứ tự của trình tự mở

Mẫu số: Tổng lưu lượng xả qua tràn ứng với mực nước hồ chứa ở cao trình mực nước dâng bình thường 105,50m.

Hệ số lưu lượng: Lấy theo hồ sơ TKKT – TC đã được phê duyệt

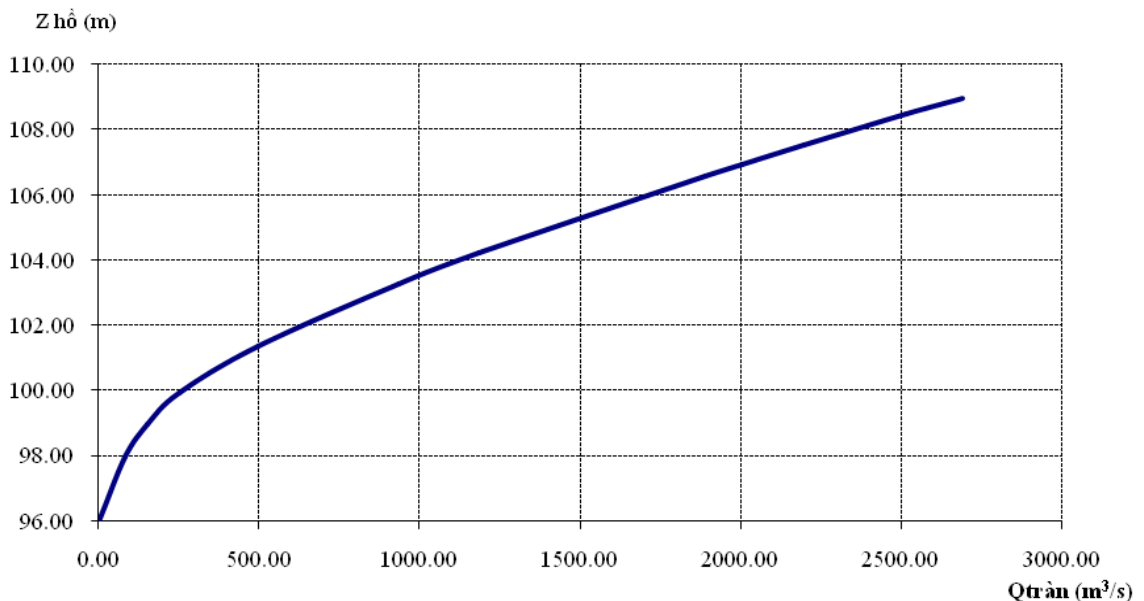
PHỤ LỤC 4
QUAN HỆ MỨC NƯỚC HỒ VÀ LƯU LƯỢNG XẢ QUA TRÀN
CÔNG TRÌNH THỦY ĐIỆN SÔNG MIỆN 6

(Trường hợp các cửa van đã mở hoàn toàn)

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

TT	Z _{hồ} (m)	Lưu lượng xả tràn (m ³ /s)		
		Q _{tràn mặt}	Q _{tràn sâu}	Tổng
1	96,00		0	0
2	97,98		83,30	83,30
3	98,96		152,00	152,00
4	99,94	15,70	233,00	249,00
5	101,38	124,00	373,00	497,00
6	103,28	346,00	587,00	933,00
7	104,21	480,00	705,00	1185,00
8	106,57	864,00	1023,00	1887,00
9	107,31	931,00	1072,00	2003,00
10	107,53	1036,00	1159,00	2195,00
11	108,49	1217,00	1299,00	2516,00
12	108,94	1317,00	1377,00	2693,00

KHẢ NĂNG XẢ CỦA TRÀN THỦY ĐIỆN SÔNG MIỆN 6 ỨNG VỚI CÁC MỨC NƯỚC HỒ KHI CỬA VAN ĐÃ MỞ HOÀN TOÀN



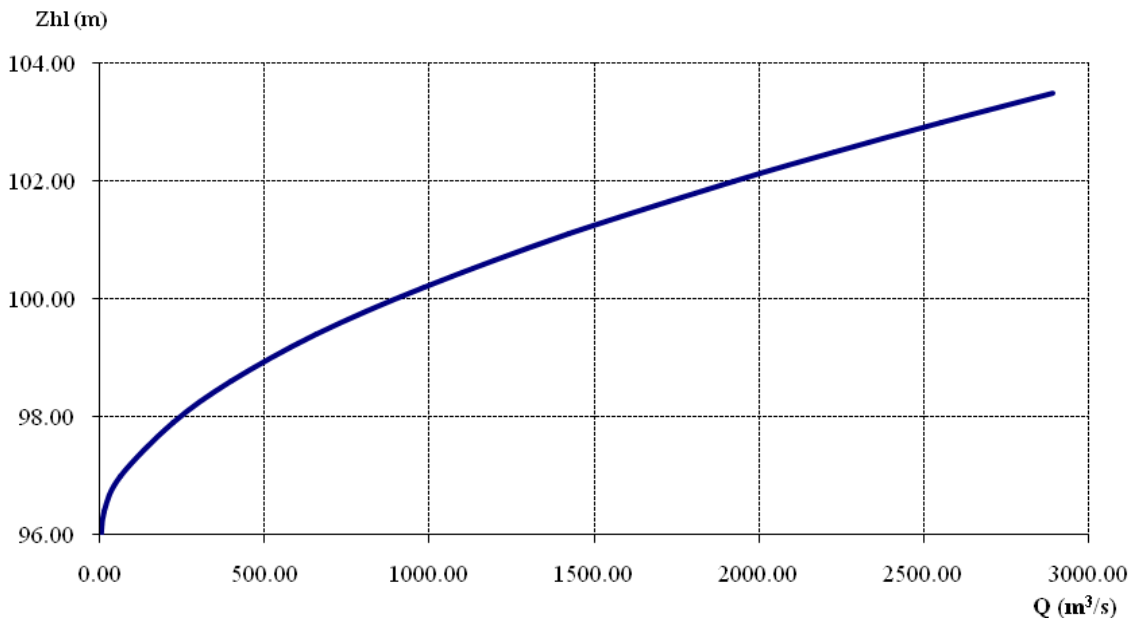
Ghi chú: Hệ số lưu lượng và hệ số co hẹp bên : Lấy theo hồ sơ TKKT – TC đã được phê duyệt.

PHỤ LỤC 5
QUAN HỆ MỨC NƯỚC HẠ LƯU VÀ LƯU LƯỢNG
CÔNG TRÌNH THỦY ĐIỆN SÔNG MIỆN 6

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

Q (m ³ /s)	Z _{HL} (m)	Q (m ³ /s)	Z _{HL} (m)	Q (m ³ /s)	Z _{HL} (m)
0,00	95,75	293,00	98,20	1635,00	101,50
1,76	96,10	399,00	98,60	1922,00	102,00
12,90	96,40	521,00	99,00	2227,00	102,50
33,80	96,70	656,00	99,40	2551,00	103,00
63,90	97,00	809,00	99,80	2893,00	103,50
107,00	97,30	982,00	100,20	3254,00	104,00
160,00	97,60	1168,00	100,60	3627,00	104,50
222,00	97,90	1420,00	101,10	4000,00	105,00

QUAN HỆ Q ~ Z_{hl} THỦY ĐIỆN SÔNG MIỆN 6



PHỤ LỤC 6
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH LŨ THIẾT KẾ - LŨ KIỂM TRA THỦY ĐIỆN SÔNG MIỆN 6
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

